**PHỤ LỤC IV:**

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP BIẾN ĐỘNG TRONG NĂM THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI VÀ KỲ KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI

**(Đến ngày 31/12/……..)**

Xã:…………………………….huyện:…………………..tỉnh:………………………………

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thông tin do cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/ văn phòng Đăng ký đất đai xác định** | | | | | | | | | **Thông tin khoanh đất** | | **Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã** | |
| **Số hiệu thửa đất** | | **Tên người sử dụng đất** | **Địa chỉ thửa đất** | **Diện tích có biến động**  **(m2)** | **Mã loại đất** | | **Mã loại đối tượng** | | **Trước biến động** | **Sau biến động** | | **Nội dung thay đổi** |
| **Trước biến động** | **Sau biến động** | **Trước biến động** | **Sau biến động** | **Trước biến động** | **Sau biến động** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | | (12) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày…tháng….năm…  **Người lập biểu**  (Ký, ghi rõ họ tên) | Ngày…tháng….năm…  **Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/ Văn phòng Đăng ký đất đai**  (Ký, ghi rõ họ tên) | Ngày…tháng….năm…  **Công chức địa chính cấp xã**  (Ký, ghi rõ họ tên) |

Lưu ý:

- Trường hợp thay đổi loại đối tượng sử dụng đất (do chuyển quyền hoặc do nhà nước thu hồi để giao cho đối tượng khác thuê,…) thì cột 3 ghi lần lượt đối tượng trước khi biến động và đối tượng sau khi biến động;

- Trường hợp có biến động về loại đất hoặc đối tượng sử dụng đất đối với một phần thửa đất thì chỉ cần thể hiện thông tin đối với phần diện tích có thay đổi về loại đối tượng sử dung, loại đất;

- Cột (10) và (11) do Uỷ ban nhân dân xác định trong ký thống kê, kiểm kê đất đai;

- Cột (12) do Uỷ ban nhân dân xã kiểm tr thực địa và xác nhận trong kỳ kiểm kê đất đai